

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2021/HS-PT**

Ngày: 26/01/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Trần Minh Long**

*Các Thẩm phán:* Ông **Ngô Hà Nam**

Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

**- Thư ký phiên toà:** Bà **Nguyễn Thị Na** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà:** Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 199/2020/TLPT-HS ngày 23 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Phú L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 141/2020/HS-ST ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

*Bị cáo có kháng cáo:* **Phạm Phú L**: Tên gọi khác: C; Giới tính: Nam; Sinh ngày 06/06/1997 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKKHKT: Tổ 18, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Số 45 đường P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Phú A (sinh năm 1975) và bà Phạm Thị H (sinh năm 1975); Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án: Bản án số 28/2018/HS-ST ngày 30/03/2018 của Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt Phạm Phú L 15 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 điều 134 Bộ luật Hình sự. Ngày 17/01/2019, L chấp hành xong án trở về địa phương. Căn cứ quy định điều 70 Bộ luật Hình sự, L chưa được xoá án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/6/2020. Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Phú L và Nguyễn Lương P có mối quan hệ bạn bè với nhau. Từ ngày 08/6/2020 đến ngày 11/6/2020, L có 02 lần bán trái phép chất ma túy cho P, P mua ma túy của L để sử dụng và 01 lần bán ma túy cho người khác, cụ thể như sau:

**Lần thứ nhất:** Vào tối ngày 08/6/2020, P liên lạc hỏi mua của L 25 viên ma túy thuốc lắc với giá 01 viên 300.000 đồng và 02 gói ma túy khay với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, L gặp người tên V (chưa rõ nhân thân, lai lịch) trên đường N, thành phố Đà Nẵng (không rõ địa điểm cụ thể), mua 25 viên ma túy thuốc lắc với giá 01 viên 250.000 đồng và 02 gói ma túy khay với giá 2.000.000 đồng rồi đem đến bán cho P tại quán nhậu “18” trên đường N, quận L, thành phố Đà Nẵng, L thu lợi bất chính số tiền 1.250.000 đồng. Sau khi mua ma túy về, P sử dụng cùng bạn bè hết 25 viên ma túy thuốc lắc, 01 gói ma túy khay vào tối ngày 10/6/2020. Còn lại 01 gói ma túy khay P giữ lại.

**Lần thứ hai:** Vào khoảng 21 giờ ngày 11/6/2020, Nguyễn Lương P đang ở nhà trọ K144 đường H, tổ 06, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng thì có người phụ nữ tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua của P 16 viên ma túy thuốc lắc và 01 gói ma túy khay, P báo 01 viên ma túy thuốc lắc giá 350.000 đồng, 01 gói ma túy khay giá 3.500.000 đồng và hẹn giao dịch mua bán ma túy tại K90/03 đường T, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Lúc này, P hỏi mua của Phạm Phú L 16 viên ma túy thuốc lắc thì L báo giá 01 viên 300.000 đồng và hẹn giao ma túy tại nhà trọ của P. Rồi L mua của V 50 viên ma túy thuốc lắc với giá 10.000.000 đồng tại quán cà phê trên đường N, quận L, thành phố Đà Nẵng (không rõ địa chỉ cụ thể). Sau đó, L nhờ Trần Đức T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Attila biển số: 43G1-123.93 chở đến nhà trọ của P. L đi một mình vào đến cầu thang giao ma túy cho P. Vì là chỗ quen biết nên L đồng ý cho P mua nợ hết 50 viên.

Sau đó, P đem cất bao nylon chứa 34 viên ma túy trên tấm nệm trong phòng ngủ tại tầng 2. P lấy ra 16 viên ma túy cùng với gói ma túy khay còn dư sau khi sử dụng tối ngày 10/6/2020 cất trong túi quần Jean phía trước bên phải đang mặc rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade BKS: 43R2- 3013 đến trước nhà số K90/03 đường H, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng chờ bán ma túy cho người phụ nữ tên

T thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang. Thu giữ bên trong túi quần Jean phía trước bên phải mà P đang mặc có: 01 gói nylon kích thước (4x7)cm bên trong có chứa 16 viên nén màu xanh lá cây hình khiên, trên mặt mỗi viên có in hình con ngựa, được niêm phong, ký hiệu là G1; 01 gói nylon kích thước (4x5,5)cm bên trong chứa tinh thể màu trắng, được niêm phong, ký hiệu là G2.

Vào lúc 02 giờ ngày 12/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Nguyễn Lương P tại phòng trọ P địa chỉ K144 đường N, tổ 06, phường M, quận L, TP.Đà Nẵng. Phát hiện, thu giữ trên tấm nệm tại phòng ngủ tầng 2: 01 gói nylon bên trong có chứa 34 viên nén màu xanh lá cây hình tấm khiên, trên mặt mỗi viên có in hình con ngựa. P khai nhận là ma túy thuốc lắc của P cất chứa tinh thể màu trắng, được niêm phong, ký hiệu là G3.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Lương P, vào lúc 03 giờ ngày 12/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê thực hiện Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Phú L tại phòng trọ của P ở địa chỉ trên.

Tại thời điểm khám xét chỗ ở của P còn có mặt của Trần Đức T, Nguyễn Phương Th và Nguyễn Ngọc Bảo Ng.

Đến 13 giờ 30 phút ngày 12/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Phú L tại số 45 đường X, phường M, quận L, TP.Đà Nẵng nhưng không phát hiện, thu giữ được gì.

Ngoài ra, L và P còn khai nhận: Vào khoảng thời gian tháng 5 năm 2020 (*không rõ thời gian cụ thể*) tại quán karaoke V trên đường Y, quận L, thành phố Đà Nẵng, P hỏi mua của L 03 viên ma túy thuốc lắc nhưng L không có nên giới thiệu người phụ nữ tên Hu (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*), sau đó Hu bán cho P 03 viên ma túy thuốc lắc với giá 350.000 đồng/01 viên và P đã sử dụng hết số ma túy này. Do không xác định được người tên Hu, việc mua bán ma túy là thỏa thuận riêng giữa P và Hu, không thu giữ được ma túy nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với P và L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều 249 Bộ luật Hình sự.

\* Bản Kết luận giám định số: 185/GĐ-MT ngày 19/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Mẫu viên nén trong bì niêm phong ký hiệu G1, G3 gửi giám định là ma túy, loại MDMA; khối lượng mẫu viên nén G1: 5,571 gam; G3: 11, 813 gam. Mẫu tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G2 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine; khối lượng mẫu tinh thể G2: 1,040 gam. Tổng khối lượng MDMA: 5,571 gam + 11,813 gam = 17,384 gam; khối lượng Ketamine: 1,040 gam.

Khối lượng ma túy Phạm Phú L và Nguyễn Lương P mua bán trái phép là: Loại MDMA: 17,384 gam; loại Ketamine: 1,040 gam. Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hai chất ma túy MDMA và Ketamine là:  $(17,384: 30 \times 100\% = 57,946\%) + (1,040: 100 \times 100\% = 1,04\%) = 58,986\% < 100\%$ . Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 5 Chương II Nghị định số: 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 thì Phạm Phú L và Nguyễn Lương P mua bán trái phép chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

\* Ngày 22/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê ra Quyết định trưng cầu giám định số: 110/ĐCSMT xác định trên toàn bộ vỏ bao gói mẫu hoàn trả được niêm phong trong 01 bì niêm phong số: 185/GD-MT ngày 19/6/2020 (Gồm: 01 bì thư có ký hiệu G1, bên trong có gói nylon kích thước (4x7)cm; 01 bì thư có ký hiệu G2, bên trong có gói nylon kích thước (4x5,5)cm; 01 bì thư có ký hiệu G3, bên trong có gói nylon kích thước (5,9x9,3)cm) có ký và ghi tên Hoàng Thị Ph, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, ký hiệu mẫu "Bao gói mẫu hoàn trả" có lưu lại dấu vết vân tay không? Nếu có và đủ yếu tố giám định thì xác định có trùng khớp với dấu vân tay trong danh bản, chỉ bản của Nguyễn Lương P và Phạm Phú L do Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê cung cấp để so sánh hay không? Đến ngày 08/7/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng có Bản Kết luận giám định số 33/GĐ-DV kết luận: Dấu vết đường vân thu trên mẫu túi nilong có kích thước (4x7)cm không đủ yếu tố giám định; Không phát hiện dấu vết đường vân trên 02 mẫu túi nilong có kích thước (4x5,5)cm và (5,9x9,3)cm.

\* Vật chứng tạm giữ:

- 01 bì niêm phong đựng toàn bộ vỏ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số: 185/GD-MT ngày 19/6/2020;

- 01 bì niêm phong đựng toàn bộ mẫu vật hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số: 33/GĐ-DV ngày 08/7/2020;

- 01 điện thoại di động Iphone màu bạc, số IMEI: 354385064037135, có gắn sim số 0905447316 thu giữ của Nguyễn Lương P;

- 01 điện thoại di động Iphone màu đen, số IMEI: 357260091128479, có gắn sim số 0777481872 thu giữ của Phạm Phú L.

- Số tiền 550.000 đồng thu giữ của P.

Số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của L. Qua xác minh, số tiền này do Phạm Thị H cho L mượn để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Ngoài ra, Nguyễn Lương P còn khai nhận tổ chức sinh nhật vào tối ngày 10/6/2020 tại quán karaoke V, có sự tham gia của Phạm Phú L, Trần Đức T, Nguyễn Ngọc Bảo Ng, Nguyễn Phương Th và bạn bè ngoài xã hội của P. Tại tiệc sinh nhật, P có đem ma túy ra để các đối tượng sử dụng. Kết quả điều tra: Căn cứ lời khai của P, Cơ quan điều tra truy xét nên không có biên bản tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm; Không thu giữ được chất ma túy và không chứng minh được chất ma túy cụ thể các đối tượng trên sử dụng; Lời khai của T, Ng, Th khai đã sử dụng hết ma túy, chỉ duy nhất P khai gói ma túy khay (G2) bị thu giữ là ma túy còn lại của tiệc sinh nhật nhưng trên đường P đem đi bán thì bị bắt và đã được xử lý ở hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, hiện tại chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với P về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 Bộ luật hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê tách riêng vụ việc để tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Đối với Trần Đức T, Nguyễn Ngọc Bảo Ng và Nguyễn Phương Th không biết việc Phạm Phú L và Nguyễn Lương P có hành vi cất giấu và mua bán trái phép chất ma túy.

*Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 141/2020/HS-ST ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ vào điểm b, p khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

*Xử phạt:* Bị cáo Phạm Phú L 11 (mười một) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 12/6/2020.

- Phạt bổ sung số tiền 10.000.000đ đối với Phạm Phú L.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Lương P, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/12/2020, bị cáo Phạm Phú L có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin giảm nhẹ hình phạt.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị cáo Phạm Phú L thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã kết luận; bị cáo giữ nguyên đơn kháng cáo và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, để có thời gian cải tạo sớm được đoàn tụ với gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát, nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Bị cáo Phạm Phú L thực hiện hành vi mua

bán trái phép chất ma túy từ 02 (hai) lần, đồng thời số lượng ma túy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng khi bắt quả tang và khám xét tại nơi cư trú của bị cáo thu giữ được số lượng ma túy bị cáo tàng trữ nhằm mục đích bán lại cho các đối tượng nghiện, kết luận giám định xác định ma túy thu giữ của bị cáo gồm: Ma túy loại MDMA có khối lượng: 12,393 gam và ma túy loại Ketamine có khối lượng: 3,905gam. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2020/HS-ST ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo hai tình tiết định khung là *phạm tội từ 02 lần trở lên và có 02 chất ma túy trở lên...*theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt 11 năm tù mà Tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, không nặng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới phát sinh. Do vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Từ ngày 8/6/2020 đến ngày 11/6/2020, Phạm Phú L đã 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Lương P, cụ thể như sau:

- Tối ngày 8/6/2020 L bán cho P 25 viên ma túy thuốc lắc với giá 1 viên 300.000 đồng và 02 gói ma túy khay với giá 2.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 1.250.000 đồng; số ma túy trên P sử dụng cùng bạn bè hết 25 viên thuốc lắc và 01 gói ma túy khay vào tối ngày 10/6/2020; còn 1 gói ma túy khay P giữ lại.

- Đến khoảng 21 giờ ngày 11/6/2020, L tiếp tục bán cho P 50 viên ma túy thuốc lắc với giá 300.000 đồng/1 viên, giao nhận tại nhà trọ K144 đường N, tổ 6 phường M, quận L, TP. Đà Nẵng.

Nguồn gốc số ma túy mà L bán cho Phúc, L khai nhận mua của một người tên V (chưa xác định được nhân thân lai lịch).

Khoảng 22h30' ngày 11/6/2020, tại trước số nhà 90/3 đường T, quận K, TP. Đà Nẵng, đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Thanh Khê đã bắt quả tang Nguyễn Lương P đang cất giấu ma túy trong người, gồm 16 viên thuốc lắc và 01 gói ma túy khay. Tiếp tục khám xét nơi ở của Phúc tại nhà trọ K144 đường H tổ 6 phường M, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng; lực lượng chức năng thu giữ tại tám nệm phòng ngủ tầng 2 của P 34 viên thuốc lắc. P khai nhận toàn bộ số ma túy bị thu giữ là

mua của Phạm Phú L nhằm mục đích vừa sử dụng và bán lại cho con nghiện; lúc bị bắt quả tang là đang đi giao ma túy cho một người phụ nữ tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) đã hỏi mua trước đó.

Kết luận giám định về ma túy xác định: Mẫu giám định G1 và G3, gồm 50 viên nén màu xanh lá cây in hình tám khiên là ma túy loại MDMA, trọng lượng G1 = 5,571gam, trọng lượng G2 = 11,813gam, tổng G1+G3= 17,384gam ma túy loại MDMA; mẫu tinh thể rắn màu trắng ký hiệu G2 là ma túy loại Katemin, trọng lượng 1.040gam.

Với hành vi trên, Toà án nhân dân quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Phạm Phú L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và xét xử bị cáo Nguyễn Lương P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội. Sau khi xử sơ thẩm, bị cáo P không kháng cáo, bị cáo L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Phú L thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương; số lượng các chất ma túy mà bị cáo tàng trữ để sử dụng và nhằm mua bán kiếm lời là 17.384gam ma túy loại MDMA và 1.040gam ma túy loại Katemin; bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với bị cáo P nhiều lần. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo hai tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b (*phạm tội từ 02 lần trở lên*) và điểm p (*có 02 chất ma túy trở lên...*) theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật; bản thân bị cáo L có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm, nên cần xử phạt nghiêm khắc.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xét nhân thân của bị cáo, xử phạt bị cáo 11 năm tù là phù hợp, không nặng. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Căn cứ:** Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Phú L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

**2. Căn cứ:** Điểm b, p khoản 2 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** **Phạm Phú L 11 (mười một)** năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 12/6/2020.

**3. Về án phí:** Bị cáo Phạm Phú L phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

**4.** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Công an quận Thanh Khê;
- PV27; PC81 Công an thành phố;
- TAND quận Thanh Khê;
- THA DS quận Thanh Khê;
- Sở Tư pháp TPĐN;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Minh Long**